

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TAM KỲ
TỈNH QUẢNG NAM**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 289 /2017/HNGĐ- ST

Ngày: 18/9/2017

V/v tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TAM KỲ, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Tấn Long

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Bá Sang

Ông Trần Phi Tiến

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Thanh Hải, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Kỳ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 91/2017/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2017 về việc “*tranh chấp xin ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/8/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2017/QĐST-HNGĐ ngày 01/9/2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm: 1975.

Địa chỉ: Khối phố 1, phường T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

- Bị đơn: Bà Phạm Thị X, sinh năm: 1976

Địa chỉ: số 82 đường T, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng tôi là Nguyễn Văn H và Phạm Thị X kết hôn năm 2009, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, bình đẳng, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian và sinh đôi được hai con chung gồm cháu Nguyễn Minh T, sinh ngày 04/2/2010 và cháu Nguyễn Minh Q, sinh ngày 04/2/2010.

Thời gian sau thì phát sinh mâu thuẫn, hai bên thường xuyên cãi vã và xúc phạm lẫn nhau. Vào năm 2013 tôi đã làm đơn xin ly hôn gửi đến Tòa án Tam Kỳ

đề nghị ly hôn với vợ tôi nhưng qua hòa giải của Thẩm phán, tôi rút đơn về để hai vợ chồng đoàn tụ chung sống. Tuy nhiên đến nay mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng không thể hàn gắn được nữa, tôi không còn tình cảm với vợ tôi nên không thể tiếp tục sống chung. Vì vậy, tôi làm đơn xin ly hôn với vợ tôi là Phạm Thị X. Sau khi gửi đơn xin ly hôn đến Tòa án, tôi đã chuyển về sống với gia đình tôi tại khối phố 1, phường T cho đến nay.

Nguyên nhân mà vợ chồng tôi xảy ra mâu thuẫn là do:

Thứ nhất, vợ tôi coi thường tôi và coi thường gia đình tôi. Nhiều lần, vợ tôi chửi bới tôi, chửi bới cha mẹ và gia đình tôi, kể cả người đã chết.

Thứ hai, trong cuộc sống hằng ngày vợ tôi thường xuyên la mắng, chửi bới chồng mặc dù bản thân tôi không có lỗi gì.

Thứ ba, nhiều lần vợ tôi bạo lực gia đình, đánh đập tôi.

Sau khi Tòa án tổ chức hòa giải nhiều lần nhưng đến nay tình cảm vợ chồng không cải thiện gì hơn mà còn mâu thuẫn trầm trọng hơn trước nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với cô X.

Về con chung: Chúng tôi có hai con chung là cháu Nguyễn Minh T, sinh ngày 04/2/2010 và cháu Nguyễn Minh Q, sinh ngày 04/2/2010. Nguyên vọng của tôi sau khi ly hôn được chăm sóc, nuôi dưỡng một cháu, tôi không yêu cầu cấp dưỡng. Nếu cô X cũng có nguyện vọng nuôi con chung thì tôi cũng đồng ý giao hai con cho chị X nuôi bởi vì hai cháu sinh đôi nên cần ở cùng nhau, tôi đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.500.000 đồng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

- Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn bà Phạm Thị X trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng tôi kết hôn năm 2009, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, bình đẳng, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc và sinh đôi được hai con chung gồm: cháu Nguyễn Minh T, sinh ngày 04/2/2010 và cháu Nguyễn Minh Q, sinh ngày 04/2/2010.

Tôi không đồng ý những nội dung mà chồng tôi đã trình bày về nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn. Bản thân tôi cảm thấy mình vẫn làm một người vợ, người mẹ tốt; đôi khi vợ chồng có xảy ra xung đột, mâu thuẫn nhưng tôi cũng chưa có những hành động hay lời lẽ gì quá đáng với chồng cũng như gia đình chồng. Tôi thừa nhận có những lúc nóng giận không kiềm chế nên xung đột vợ chồng xảy ra nhưng tôi không để tâm mà chỉ lo cho gia đình và con cái. Theo tôi những mâu thuẫn này không thể là nguyên nhân dẫn đến chồng tôi xin ly hôn mà theo tôi nghĩ có người thứ ba xen vào cuộc sống vợ chồng tôi, đó là cô Nguyễn Thị V hiện là Bí thư Đoàn phường T. Vừa qua tôi đã phát hiện nửa đêm chồng tôi đang ở trong phòng trọ của cô V khi Công an phường S kiểm tra, tôi đã có gửi chứng cứ này cho Tòa án. Vì vậy, tôi thấy đây là nguyên nhân chính dẫn tới phá vỡ hạnh phúc gia đình. Tôi thấy chồng tôi gởi đơn ly hôn vì lý do chồng tôi ngoại tình, không có lý do chính đáng để ly hôn. Vì vậy tôi không đồng ý ly hôn.

Về con chung: có hai con chung gồm: cháu Nguyễn Minh T, sinh ngày 04/2/2010 và cháu Nguyễn Minh Q, sinh ngày 04/2/2010. Hiện tại tôi không có thai nghén gì với anh H.

Nếu ly hôn tôi xin nuôi cả hai cháu, đề nghị anh H cấp dưỡng nuôi con với số tiền cả hai con là 4.000.000 đồng/tháng. Bởi vì hiện nay tôi chi tiêu cho con rất nhiều (được kê chi tiết tại đơn đề nghị). Tôi không thể để con thiếu vật chất lẫn tinh thần.

Về tài sản chung và nợ chung: Tôi không yêu cầu giải quyết trong vụ án này, tôi sẽ khởi kiện bằng một kiện tranh chấp khác

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Kỳ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và đề xuất hướng giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật:

Đối với những người tiến hành tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến khi xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

Đối với người tham gia tố tụng: Đối với nguyên đơn và bị đơn: Đã thực hiện đúng các quy định pháp luật.

Về đề xuất hướng giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ và diễn biến phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn, cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn H được ly hôn với bà Phạm Thị T X, về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung đề nghị giải quyết theo quy định cả pháp luật. Về tài sản chung và nợ chung do các đương sự không yêu cầu giải quyết trong vụ án này nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Nguyễn Văn H và bà Phạm Thị X kết hôn năm 2009 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Do trong thời kỳ hôn nhân phát sinh mâu thuẫn nên ông Nguyễn Văn H khởi kiện yêu cầu ly hôn. Vì vậy, Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền, đúng quan hệ pháp luật theo quy định tại các Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và các Điều 51, Điều 53 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn H và bà Phạm Thị X xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền nên đây là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật công nhận là vợ chồng. Trong quá trình chung sống, giữa ông H và bà X có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân theo ông H là do vợ ông bà Phạm Thị X coi thường ông và gia đình ông, trong cuộc sống hằng ngày vợ ông thường xuyên la mắng, chửi bới chồng mặc dù bản thân ông không có lỗi gì và ông H cho rằng bà X có hành vi bạo lực gia đình.

Năm 2013 ông Nguyễn Văn H đã có đơn gửi đến Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ để yêu cầu giải quyết ly hôn nhưng trong quá trình hòa giải tại Tòa án, ông H đã rút đơn xin ly hôn để hai vợ chồng về đoàn tụ chung sống, hàn gắn mâu thuẫn gia đình, cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc. Tuy nhiên, sau khi về đoàn tụ, tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện được, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh ngày càng trầm trọng, bất đồng ngày càng lớn mà hai vợ chồng không thể tự hóa giải được. Đến tháng 3 năm 2017, ông H đã làm đơn gửi đến Tòa án xin ly hôn, trong thời gian chờ Tòa án giải quyết ông H đã về nhà cha mẹ ruột của mình tại phường T, thành phố T để sống ly thân với bà X cho đến nay.

Tại các phiên hòa giải, mặc dù đã được Tòa án động viên để ông H và bà X đoàn tụ nhưng ông H cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, không thể sống chung được nữa nên ông vẫn cương quyết ly hôn. Tại các biên bản hòa giải vào các ngày 09/6/2017 và ngày 03/7/2017 bà X thừa nhận đến nay tình cảm vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, bà cũng không còn tình cảm gì với ông H và bà X đồng ý với yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Văn H nhưng sau đó bà X thay đổi ý kiến không đồng ý ly hôn với lý do bà cho rằng nguyên nhân ông H đề nghị ly hôn bà là do có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác tên là Nguyễn Thị V. Theo chứng cứ mà bà X cung cấp là video clip do bà tự quay tại nhà trọ bà V khi Công an phường S kiểm tra hành chính lúc 23 giờ 30 phút ngày 09/7/2017, nội dung thể hiện lúc đó có mặt ông H và bà V trong phòng trọ của bà V. Tòa án đã tiến hành lấy lời khai ông H và bà V nhưng ông H và bà V không thừa nhận có quan hệ ngoại tình mà cho rằng do có quan hệ đồng nghiệp nên hôm đó ông H đến thăm bà V do bà V bị đau. Ngày 28/7/2017 Tòa án đã xác minh tại Công an phường S thể hiện: tối ngày 09/7/2017 chị X có đến nhờ Công an phường S kiểm tra sự có mặt của chồng chị là ông Nguyễn Văn H tại nhà trọ của chị V số 493 đường H, thành phố T. Khoảng 23 giờ 30 phút ngày 09/7/2017, khi Công an phường S đến kiểm tra thì phát hiện có ông H tại phòng trọ của chị V, Công an phường S không lập biên bản về bất cứ vấn đề nào khác. Như vậy, theo lời trình bày của bà X kèm theo chứng cứ do bà X cung cấp và kết quả xác minh của Tòa án thì việc ông H có mặt tại phòng trọ của chị Nguyễn Thị V vào khoảng 23 giờ 30 phút ngày 09/7/2017 là có thật nhưng những chứng cứ này không đủ cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận ông Nguyễn Văn H có quan hệ ngoại tình với chị Nguyễn Thị V theo nội dung trình bày của bà X.

Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng giữa ông H và bà X đã xảy ra từ lâu, năm 2013 ông H đã xin ly hôn nhưng được Tòa án hòa giải đoàn tụ, sau khi đoàn tụ thì vợ chồng vẫn không tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn và không có khả năng đoàn tụ để chung sống hạnh phúc được nữa. Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Nguyễn Văn H và bà Phạm Thị X đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó chấp nhận đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn H, cho ông Nguyễn Văn H được ly hôn với bà Phạm Thị X là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Về con chung: Quá trình chung sống ông Nguyễn Văn H và bà Phạm Thị X có 02 con chung là Nguyễn Minh T, sinh ngày 04/02/2010 và cháu Nguyễn Minh Q, sinh ngày 04/02/2010.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Phạm Thị X có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc hai con, ông Nguyễn Văn H cũng thống nhất giao 02 con T và Q cho bà X nuôi dưỡng. Việc thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, đồng thời phù hợp với nguyện vọng của hai cháu là mong muốn được ở với mẹ là bà Phạm Thị X nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận này.

Đối với yêu cầu cấp dưỡng: Bà Phạm Thị X yêu cầu ông Nguyễn Văn H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000 đồng/02 con; ông Nguyễn Văn H chỉ đồng ý với mức cấp dưỡng mỗi tháng 2.500.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, việc nuôi con chung là trách nhiệm và nghĩa vụ của cha mẹ, do vậy ông H và bà Phạm Thị Thanh X đều phải có trách nhiệm đối với việc nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, hiện nay ông H là cán bộ, công chức phường, hệ số lương 2,67, hưởng lương hàng tháng số tiền 5.049.149 đồng (đến tháng 7/2017). Do vậy, yêu cầu của chị X đề nghị ông H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 4.000.000 đồng là vượt quá khả năng tài chính của ông H bởi vì tiền lương của ông H phải đảm bảo mức sinh hoạt tối thiểu của ông H sống và làm việc. Sau khi cân nhắc thu nhập thực tế của ông H và điều kiện sống, sinh hoạt, học tập cơ bản nhất của trẻ em ở độ tuổi của các cháu trên địa bàn, Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện của ông H cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 2.500.000 đồng cho đến khi các cháu trưởng thành (18 tuổi), hình thức cấp dưỡng hàng tháng, thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 10/2017.

Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Văn H không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

Tại phiên tòa, bị đơn bà Phạm Thị X không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung trong vụ án này, bà X sẽ khởi kiện một vụ kiện về tài sản chung và nợ chung trong một vụ án khác.

Do các đương sự không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Ông Nguyễn Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28 và Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Áp dụng các Điều 56; Điều 81, 82, 83, 84, 107 và Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông Nguyễn Văn H.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn H ly hôn với bà Phạm Thị X.

Về con chung: Giao 02 cháu Nguyễn Minh T, sinh ngày 04/02/2010 và cháu Nguyễn Minh Q, sinh ngày 04/02/2010 cho bà Phạm Thị X chăm sóc, nuôi dưỡng đến trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Buộc ông Nguyễn Văn H cấp dưỡng nuôi 2 con chung mỗi tháng 2.500.000 đồng cho đến khi các con đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Hình thức cấp dưỡng hàng tháng, thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 10/2017.

Ông Nguyễn Văn H có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, việc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn được thực hiện theo quy định của pháp luật Hôn nhân và gia đình và pháp luật tố tụng dân sự.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và bà Phạm Thị X có đơn yêu cầu thi hành án mà ông Nguyễn Văn H không thực hiện đầy đủ số tiền cấp dưỡng trên thì hàng tháng ông Nguyễn Văn H phải chịu lãi chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không đề nghị giải quyết.

Về án phí: Ông Nguyễn Văn H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con. Tổng số tiền án phí ông Nguyễn Văn H phải chịu là 600.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông H đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002639 ngày 27/3/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Số tiền án phí ông Nguyễn Văn H tiếp tục nộp là 300.000 đồng.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Tam Kỳ;
- Tòa án tỉnh, VKSND tỉnh;
- Chi cục THADS Tam Kỳ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Đinh Tấn Long